

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư
Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào
dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần tỉnh Bình Định**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần tỉnh Bình Định do Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT lập, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo kết quả thẩm định nội bộ hồ sơ Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư dự án, như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ THẨM ĐỊNH

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;
- Văn bản số 5753/VPCP-QHQT ngày 01/7/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc phê duyệt đề xuất dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM), vay vốn ADB;
- Văn bản số 2583/BKHĐT-KTĐN ngày 21/4/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần tỉnh Bình Định, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).
- Văn bản số 4213/BTC-QLN ngày 08/4/2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần tỉnh Bình Định, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: UBND tỉnh Bình Định.
2. Hình thức thẩm định: Tổ chức thẩm định.

Phần thứ 2

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CƠ QUAN/HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần tỉnh Bình Định.

2. Dự án nhóm: B.

3. Cấp Quyết định Chủ trương đầu tư: Thủ tướng Chính phủ.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Bình Định.

5. Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

6. Địa điểm xây dựng: Huyện Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Nhơn và Vân Canh, tỉnh Bình Định.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 914.850 tỷ đồng (tương đương 39,532 triệu USD, tỷ giá USD là 23.142 VNĐ/USD). Trong đó:

- Vốn vay ưu đãi của ADB: 671,118 tỷ đồng (29,0 triệu USD), trong đó:

+ Vốn vay ADB Trung ương cấp phát (50%): 335,559 tỷ đồng (14,5 triệu USD).

+ Vốn vay ADB tỉnh vay lại (50%): 335,559 tỷ đồng (14,5 triệu USD).

- Vốn viện trợ không hoàn lại: 23,142 tỷ đồng (1,0 triệu USD).

- Vốn đối ứng: 220.590 tỷ đồng (9,532 triệu USD).

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:

8.1. Nguồn vốn thực hiện đề nghị thẩm định

STT	Nguồn vốn đầu tư	Nguồn vốn đề nghị thẩm định	
		Triệu USD	Triệu VNĐ
1	Vốn ADB	29,000	671.118
-	Vốn vay ADB trung ương cấp phát	14,500	335.559
-	Vốn vay ADB tỉnh vay lại	14,500	335.559
2	Vốn đối ứng	9,532	220.590
3	Vốn hỗ trợ không hoàn lại	1,000	23.142
4	Tổng mức đầu tư (1+2)	39,532	914.850

8.2. Dự kiến tiến độ cấp vốn thực hiện dự án:

Bảng 1: Kế hoạch Giải ngân của Dự án vốn ADB

Năm	Tỉ lệ giải ngân vốn vay	ĐVT: USD			ĐVT: triệu đồng		
		Giải ngân vốn vay (phần NSTW cấp phát)	Giải ngân vốn vay phần UBND tỉnh vay lại	Tổng cộng Giải ngân vốn vay	Giải ngân vốn vay (phần NSTW cấp phát)	Giải ngân vốn vay phần UBND tỉnh vay lại	Tổng cộng Giải ngân vốn vay
2021	15,0%	2.175.000	2.175.000	4.350.000	50.334	50.334	100.668
2022	25,0%	3.625.000	3.625.000	7.250.000	83.890	83.890	167.780
2023	30,0%	4.350.000	4.350.000	8.700.000	100.668	100.668	201.335
2024	30,0%	4.350.000	4.350.000	8.700.000	100.668	100.668	201.335
Cộng	100,0%	14.500.000	14.500.000	29.000.000	335.559	335.559	671.118

Bảng 2: Kế hoạch Giải ngân của Dự án vốn đối ứng

Năm	Tỉ lệ giải ngân đối ứng	ĐVT: USD	ĐVT: triệu đồng
		Vốn đối ứng	Vốn đối ứng
2021	15,0%	1.429.800	33.088
2022	25,0%	2.383.000	55.147
2023	30,0%	2.859.600	66.177
2024	30,0%	2.859.600	66.177
Cộng	100,0%	9.532.000	220.590

Bảng 3: Kế hoạch Giải ngân của Dự án vốn hỗ trợ không hoàn lại

Năm	Tỉ lệ giải ngân vốn hỗ trợ không hoàn lại	ĐVT: USD	ĐVT: triệu đồng
		Vốn hỗ trợ không hoàn lại	Vốn hỗ trợ không hoàn lại
2021	100,0%	1.000.000	23.142
2022	0,0%		
2023	0,0%		
2024	0,0%		
Cộng	100,0%	1.000.000	23.142

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Công trình Giao thông và cấp nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh, An Lão, Vân Canh.

10. Thời gian thực hiện: 2021-2024.

11. Hình thức đầu tư của dự án: Xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp.

II. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

1. Sự cần thiết đầu tư dự án:

Bình Định là một trong 06 tỉnh (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Hà Tĩnh) được lựa chọn để thực hiện dự án CRIEM và ở vị trí trung tâm của 06 tỉnh này. Tỉnh Bình Định nằm ở ven biển duyên hải Nam Trung bộ, phía bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai và Kon

Tum, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên và phía Đông là biển Đông với đường bờ biển dài 134 km. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 6.025 km², dân số 1.524 nghìn người. Địa hình bao gồm 3 vùng rõ rệt: địa hình núi trung bình và núi thấp (41,5% diện tích tự nhiên), địa hình đồi gò, trung du (26,4% DTTN); địa hình đồng bằng ven biển (32,1% DTTN). Nền kinh tế của tỉnh Bình Định chủ yếu tập trung vào sản xuất nông, lâm nghiệp, khai thác và chế biến thủy sản, chế biến gỗ, khoáng sản, dệt may và phát triển du lịch. Tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh Bình Định tăng bình quân năm 2017 đạt 6,7%/năm, GDP bình quân/người đạt 1.814 USD. Cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng khá đồng bộ bao gồm cảng biển nước sâu Quy Nhơn, sân bay Phù Cát, đường bộ với tuyến quốc lộ 1A, QL1D, QL19, QL19B, QL19C, đường sắt Bắc - Nam, các khu công nghiệp và các công trình phúc lợi. Trên địa bàn tỉnh, hiện nay có 03 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP là Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, 02 huyện trung du miền núi là Hoài Ân, Tây Sơn, 26 xã đặc biệt khó khăn, 18 xã bãi ngang ven biển.

Đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh sinh sống ở 33 xã, thị trấn thuộc 6 huyện: An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Tây Sơn, Hoài Ân và Phù Cát. Đến cuối năm 2018, trên địa bàn tỉnh có 31 dân tộc thiểu số sinh sống với khoảng 10.834 hộ và 39.674 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ khoảng 2,31% dân số toàn tỉnh, trong đó chủ yếu là 3 dân tộc Chăm, BaNa, H'Re. Tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số cuối năm 2018 khoảng 75,27% tổng số hộ dân tộc thiểu số.

Điều kiện vật chất, cơ sở hạ tầng, tập quán sản xuất, sinh hoạt và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Trong giai đoạn 2011-2015, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Chương trình 134, 135) đã thực hiện xây dựng 400 công trình phục vụ dân sinh và sản xuất; duy tu, bảo dưỡng cho 600 công trình cũ đã xuống cấp. Trong những năm tới, ưu tiên đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, trường học, trạm y tế, thủy lợi nhỏ, nước sinh hoạt, điện phục vụ sản xuất và dân sinh...

Trước thực trạng đời sống xã hội tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, Chính phủ ra Nghị quyết 30a về hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững dành cho 62 huyện nghèo trong cả nước là cơ hội, tạo sức bật để các huyện nghèo vươn lên. Các dự án được thực hiện bởi nguồn vốn 30a đã mang lại hiệu quả cho các khu vực được đầu tư, nhưng chưa tạo được sự kết nối lan tỏa sâu rộng cho toàn khu vực do địa bàn vùng sâu, vùng xa, hẻo lánh, nguồn lực đầu tư còn hạn chế... Trước tình hình diễn biến thời tiết phức tạp, khó lường hiện nay, rất cần hỗ trợ cho các cộng đồng đồng bào DTTS thích ứng với rủi ro biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và đạt được mục tiêu “không để ai ở lại phía sau”. Do đó, việc đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các xã miền núi khu vực tỉnh Bình Định là nhu cầu bức xúc hiện nay. Vì vậy, việc đầu tư dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần tỉnh Bình Định là hết sức cần thiết.

2. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định: Nội dung hồ sơ trình thẩm định đầy đủ theo các quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

3. Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược; kế hoạch và quy hoạch có liên quan quy định của pháp luật về quy hoạch:

Báo cáo đề xuất chủ trương phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 tại Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc tại Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Nghị quyết số 88/2019/NQ-QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 60/2007/NQ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ.

Quyết định số 1114/QĐ-TTg ngày 09/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020.

Quyết định số 54/2009/QĐ-TTg ngày 14/04/2009 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020.

4. Sự phù hợp tiêu chí phân loại dự án:

Việc phân loại theo dự án đảm bảo theo quy định tại khoản 2, Điều 9 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

5. Các nội dung quy định tại Điều 31 của Luật Đầu tư công

5.1. Mục tiêu đầu tư:

Dự án được đầu tư sẽ góp phần quan trọng trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu, đổi mới tư duy canh tác truyền thống phục vụ sản xuất và đời sống của đồng bào; phát huy nghề truyền thống nhằm hỗ trợ sinh kế và phát triển bền vững. Nâng cao năng lực lập kế hoạch và kỹ năng ứng phó với thảm họa thiên nhiên...

5.2. Nội dung và quy mô đầu tư:

Phù hợp với thực trạng, quy hoạch và nhu cầu sử dụng của địa phương, đảm bảo theo đúng mục tiêu của dự án CRIEM tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

5.2.1. Hợp phần 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông

Hợp phần 1 bao gồm 03 tiểu dự án:

i) BĐ-01-ĐR1: Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông liên huyện Vĩnh Thạnh, kết nối QL19 và huyện KBang tỉnh Gia Lai. Gồm 2 tuyến, tổng chiều dài 41,40 km:

- Tuyến 1: Đường giao thông từ hồ Định Bình đến trung tâm xã Vĩnh Sơn. Điểm đầu từ Km0+00, tại đập đầu mối hồ Định Bình, thuộc địa bàn thôn Định Nhất, xã Vĩnh Hảo; điểm cuối tại Km39+00, tại trung tâm cụm xã Vĩnh Sơn. Chiều dài toàn tuyến 39,0 km.

- Tuyến 2: Đường ĐT.637 đoạn từ Vĩnh Quang - thị trấn Vĩnh Thạnh. Điểm đầu tại lý trình Km11+500 thuộc địa phận thôn Định Thái, xã Vĩnh Quang; điểm cuối tuyến tại lý trình Km13+710 thuộc địa phận thị trấn Vĩnh Thạnh. Chiều dài toàn tuyến 2,41 km.

ii) BD-02-DR1: Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã từ thôn Hiệp Hưng, xã Canh Hiệp đến làng Canh Tiến, xã Canh Liên, huyện Vân Canh. Điểm đầu tuyến tại Km0 nối với đường Quốc lộ 19C (tại Km 23+345), thuộc địa bàn thôn Hiệp Hưng, xã Canh Hiệp; điểm cuối tuyến tại làng Canh Tiến, xã Canh Liên. Tổng chiều dài toàn tuyến 12,00 km.

iii) BD-03-DR1: Đường liên xã An Hưng đi Tam Quan (huyện Hoài Nhơn). Điểm đầu tuyến tại Km0+00 giáp đường 5B tại ngã 3 Hòa Bình, thôn 4, xã An Hưng; điểm cuối tuyến tại Km23+500 nối với đường ĐH.11 (Tam Quan-Tân Bình) tại lý trình Km5+700 thuộc địa phận xã Hoài Phú, huyện Hoài Nhơn. Tổng chiều dài toàn tuyến 23,50 km.

5.2.2. Hợp phần 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế cho đồng bào DTTS

Hợp phần 2 gồm 01 tiểu dự án:

i) BD-04-DR2: Xây dựng công trình cấp nước sạch phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện An Lão.

- Xây dựng 06 hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn 06 xã (An Quang, An Hưng, An Vinh, An Trung, An Nghĩa, An Toàn) với tiêu chí mỗi xã đầu tư 01 hệ thống cấp nước tại khu vực có dân cư tập trung hoặc tại trung tâm xã.

- Sửa chữa, nâng cấp khu nhà máy xử lý và mở rộng mạng lưới đường ống của hệ thống cấp nước sinh hoạt Sông Vồ để cấp nước cho thị trấn An Lão và xã An Tân, An Hòa.

5.2.3. Hợp phần 3: Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu

Hợp phần 3 hỗ trợ lắp đặt các hệ thống để dự báo và theo dõi các sự kiện khí hậu cực đoan nhằm cung cấp thông tin cho quy hoạch, đầu tư và quản lý hạ tầng. Các hệ thống đó bao gồm các trạm khí tượng thủy văn tiên tiến và cảm biến từ xa, nâng cấp các hệ thống quản lý dữ liệu bổ trợ. Các hệ thống này sẽ tạo điều kiện ra quyết định tốt hơn nhờ có dữ liệu địa phương đáng tin cậy hơn được điều chỉnh theo tác động biến đổi khí hậu dự báo đối với các yếu tố thủy văn và được dùng làm thông tin đầu vào để thiết kế kỹ thuật chi tiết. Hợp phần 3 đem lại đổi mới về công nghệ cao và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu qua dự án, thông qua cải thiện về dữ liệu theo dõi thời tiết, diễn giải dữ liệu và định hướng thông tin thời tiết nhằm tạo điều kiện để ngành bảo hiểm có thể đánh giá

rủi ro chính xác hơn đồng thời hình thành được những sản phẩm bảo hiểm rủi ro thời tiết có tính toàn diện

5.3. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 914.850 tỷ đồng (tương đương 39,532 triệu USD) được khái toán hợp lý, phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước.

5.4. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: Nguồn vốn và mức vốn đề xuất như sau:

- Vốn tín dụng thương mại (OCR) từ nhà tài trợ ADB: 671.118 tỷ đồng (tương đương 29 triệu USD): Thực hiện quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vốn ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18/7/2018 của Bộ Tài chính về công bố tỷ lệ cho vay lại ưu đãi cụ thể cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, tỉnh Bình Định vay lại 335,559 tỷ đồng (tương đương 14,5 triệu USD); Trung ương cấp phát 335,559 tỷ đồng (tương đương 14,5 triệu USD).

- Nguồn trả nợ: Thực hiện quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vốn ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và quy định tại Điều 5, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước: Nguồn chi trả vay bố trí từ nguồn tăng thu thuế, nguồn đấu giá quỹ đất, nguồn vượt thu ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác.

- Nguồn vốn đối ứng dự kiến: 220.590 tỷ đồng (9,532 triệu USD).

5.5. Thời gian, tiến độ thực hiện: Năm 2021-2024 là phù hợp.

5.6. Giải pháp bảo vệ môi trường: Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư đã phân tích, làm rõ những nhân tố tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường trong quá trình thi công và sau khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng. Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường là phù hợp với thực tế.

5.7. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Cơ quan lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT.
- Cơ quan phối hợp quản lý dự án: các sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Giao thông và Vận tải và Ban Dân tộc tỉnh.

6. Hiệu quả kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường

Hiệu quả kinh tế: Việc thực hiện dự án sẽ tạo ra hiệu quả kinh tế cao do nội dung đầu tư chủ yếu tập trung xây dựng, cải thiện công trình giao thông, cấp nước phục vụ cho đồng bào thiểu số thích ứng với biến đổi khí hậu; đây là những cơ sở hạ tầng góp phần phát triển kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội bền vững của 3 huyện miền núi là Vân Canh, Vĩnh Thạnh và An Lão.

Hiệu quả về mặt xã hội, bảo vệ môi trường: Thuận lợi cho giao thông đi lại, giải quyết vấn đề lao động; tạo không gian cảnh quan và bảo vệ môi trường sinh thái khu vực dự án. Đảm bảo cho đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng và nhân dân trong khu vực dự án nói chung có nguồn nước ổn định, hợp vệ sinh, giảm chi phí và thời gian đi lấy nước, giảm bệnh tật liên quan đến nguồn nước không hợp vệ sinh.

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, xem xét thẩm định, tổng hợp và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Dân tộc;
- Các Bộ: Tài chính, NN&PTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, KH&ĐT, GTVT, NN&PTNT;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Ban QLDA NN&PTNT;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K1, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu